

## Soạn văn bản văn học chương trình chuẩn

### Phần I. Khái niệm văn bản

**Câu 1 (trang 24 sgk Ngữ văn 10 Tập 1):** Mỗi văn bản trên được người nói, người viết tạo ra trong loại hoạt động nào? Để đáp ứng nhu cầu gì? Dung lượng (số câu) ở mỗi văn bản như thế nào?

Cả 3 văn bản được tạo ra trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Văn bản (1) : trao đổi kinh nghiệm, gồm một câu.

Văn bản (2) : bày tỏ tâm tình, gồm nhiều câu, được viết bằng thơ.

Văn bản (3) : bày tỏ tâm tình, khơi gợi tình cảm, gồm nhiều câu, nhiều đoạn liên kết chặt chẽ với nhau, được viết bằng văn xuôi.

**Câu 2 (trang 24 sgk Ngữ văn 10 Tập 1):** Mỗi văn bản trên đề cập vấn đề gì? Vấn đề đó được triển khai nhất quán trong toàn bộ văn bản như thế nào?

Vấn đề các văn bản đề cập:

+ Văn bản (1): tầm quan trọng của môi trường sống đối với việc hình thành nhân cách con người.

+ Văn bản (2): thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ

+ Văn bản (3): Kêu gọi mọi người đứng lên kháng chiến chống Pháp.

Các vấn đề này đều được triển khai rõ ràng, nhất quán trong từng văn bản. Văn bản (2) và (3) có nhiều câu nhưng được liên kết với nhau một cách chặt chẽ (bằng ý nghĩa hoặc bằng các liên từ).

**Câu 3 (trang 24 sgk Ngữ văn 10 Tập 1):** Ở những văn bản có nhiều câu, nội dung của văn bản được triển khai mạch lạc qua từng câu, từng đoạn như thế nào? Đặc biệt ở văn bản 3, văn bản còn được tổ chức theo kết cấu ba phần thế nào?

- Văn bản (2):

- + Mỗi cặp câu lục bát với sự so sánh, ví von, tạo thành một ý riêng
- + Các ý được sắp xếp theo trình tự các sự việc được diễn ra.
- + Hai cặp câu thơ liên kết với nhau cả bằng hình thức (phép lặp từ “thân em”) và nội dung ý nghĩa.

- Văn bản (3):

+ Hình thức kết cấu 3 phần : Mở bài, thân bài và kết bài

+ Triển khai các vấn đề có trình tự mạch lạc, rõ ràng :

Mở bài: tiêu đề và câu kêu gọi : “Hỡi đồng bào toàn quốc!” ⇒ đưa vấn đề

Thân bài: tiếp theo đến “... thắng lợi nhất định về dân tộc ta!” ⇒ triển khai vấn đề

Kết bài: Phần còn lại ⇒ kết thúc, khẳng định lại vấn đề

**Câu 4 (trang 24 sgk Ngữ văn 10 Tập 1): Về hình thức, văn bản có dấu hiệu mở đầu và kết thúc như thế nào?**

Văn bản (3) là một văn bản chính luận được trình bày dưới hình thức của một “lời kêu gọi”. Dấu hiệu mở đầu và kết thúc của văn bản này là:

- Mở bài: tiêu đề và câu kêu gọi : “Hỡi đồng bào toàn quốc!” ⇒ dẫn dắt người đọc vào phần nội dung chính của bài, để gây sự chú ý và tạo ra sự “đồng cảm” cho cuộc giao tiếp.

- Kết bài: 2 câu cuối ⇒ đưa ra lời kêu gọi, câu khẩu hiệu đồng dạc, đánh thép khích lệ ý chí và lòng yêu nước của nhân dân cả nước.

**Câu 5 (trang 24 sgk Ngữ văn 10 Tập 1): Mỗi văn bản trên được tạo ra nhằm mục đích gì?**

Mục đích của việc tạo lập của các văn bản :

+ Văn bản (1) : cung cấp kinh nghiệm sống cho người đọc (tâm quan trọng của môi trường sống đến việc hình thành nhân cách con người).

+ Văn bản (2) : Thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến (họ không tự quyết định được thân phận và cuộc sống tương lai của mình mà phải phụ thuộc vào người đàn ông và sự rủi may)

+ Văn bản (3) : Kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp.

## **Phần II. Các loại văn bản**

**Câu 1:** So sánh các văn bản (1), (2) với văn bản (3) :

- Vấn đề :

+ Văn bản (1) nói đến một kinh nghiệm sống ⇒ Vấn đề xã hội

+ Văn bản (2) nói lên thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ ⇒ Vấn đề xã hội

+ Văn bản (3) là lời kêu gọi toàn quốc đoàn kết và quyết tâm kháng chiến chống Pháp ⇒ vấn đề chính trị.

- Từ ngữ :

+ Văn bản (1) và (2) : có nhiều các từ ngữ sinh hoạt gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày (mực, đèn, thân em, mưa sa, ruộng cày...).

+ Văn bản (3) : sử dụng nhiều từ ngữ liên quan đến vấn đề chính trị (kháng chiến, hòa bình, nô lệ, đồng bào, Tổ quốc...).

- Cách thức thể hiện nội dung :

+ Văn bản (1) và (2) : thể hiện nội dung bằng những hình ảnh giàu tính hình tượng.

+ Văn bản (3) : chủ yếu dùng lí lẽ và lập luận để triển khai nội dung, Nội dung bài bao gồm nhiều nội dung nhỏ được liên kết với nhau.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: văn bản (1) và (2) thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, văn bản (3) thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

**Câu 2:** So sánh văn bản (2), (3) của mục I với các loại văn bản khác :

a) Phạm vi sử dụng :

- Văn bản (2) dùng trong lĩnh vực giao tiếp nghệ thuật.
- Văn bản (3) dùng trong lĩnh vực giao tiếp về chính trị.
- Các bài học môn Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí,... trong SGK dùng trong lĩnh vực giao tiếp khoa học.
- Đơn xin nghỉ học, giấy khai sinh dùng trong giao tiếp hành chính.

b) Mục đích giao tiếp cơ bản :

- Văn bản (2) : bộc lộ cảm xúc.
- Văn bản (3) : kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến chống Pháp.
- Các văn bản trong SGK: truyền tải các kiến thức khoa học ở các lĩnh vực toàn diện trong cuộc sống như Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, ...
- Văn bản đơn từ và giấy khai sinh nhằm trình bày, đề đạt hoặc ghi nhận những sự việc, hiện tượng liên quan giữa cá nhân với các tổ chức hành chính.

c) Lớp từ ngữ riêng :

- Văn bản (2) dùng các từ ngữ gần với ngôn ngữ sinh hoạt, giàu hình ảnh, cảm xúc và liên tưởng nghệ thuật.
- Văn bản (3) dùng nhiều từ ngữ chính trị, quân sự.
- Các văn bản trong SGK dùng nhiều từ ngữ, thuật ngữ thuộc các chuyên ngành khoa học riêng biệt.

- Văn bản đơn từ hoặc giấy khai sinh dùng nhiều từ ngữ hành chính trang trọng, đúng khuôn mẫu.

d) Cách kết cấu và trình bày ở mỗi loại văn bản:

- Văn bản (2) sử dụng thể thơ lục bát, có kết cấu của ca dao, dung lượng ngắn.

- Văn bản (3) có kết cấu ba phần rõ ràng, mạch lạc.

- Mỗi văn bản trong SGK cũng có kết cấu rõ ràng, chặt chẽ với các phần, các mục...

- Đơn và giấy khai sinh, kết cấu và cách trình bày đều đã có khuôn mẫu chung.

### **Soạn văn 10 văn bản văn học nâng cao**

**Câu 1: Hãy trình bày những đặc điểm của văn bản.**

Gợi ý:

Những đặc điểm của văn bản:

Văn bản có tính thống nhất về đề tài, về tư tưởng, tình cảm và mục đích

Văn bản có tính hoàn chỉnh về hình thức

Văn bản có tác giả

**Câu 2: Từ những hiểu biết về văn bản, hãy nêu tên các loại văn bản có trong đời sống mà anh (chị) biết.**

Gợi ý:

Tên các loại văn bản có trong đời sống: Hợp đồng, Biên bản, Đơn xin phép, Các bài báo, Truyện, Thơ,...

**Câu 3: Theo anh (chị), các văn bản viết, khắc, in có vai trò gì đối với sự phát triển văn hóa của dân tộc?**

Gợi ý:

Các văn bản viết, khắc, in có vai trò đối với sự phát triển văn hóa của dân tộc:

Lưu giữ được những tác phẩm văn học, nghệ thuật, văn hóa... có từ lâu đời.

Nhờ những văn bản đó ta biết đọc cách ứng xử của người xưa.

Có tác dụng phổ biến để người nước ngoài thấy được nền văn hóa của nước ta

**Câu 4: Đọc văn bản Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử và chỉ ra nội dung của nó (Văn bản giới thiệu cái gì, có những ý chính nào?). Tóm tắt văn bản đó thành một đề cương (dàn ý).**

Gợi ý:

Nội dung của văn bản Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử: nêu những tri thức về những nét lớn của nền văn học Việt Nam về ba phương diện: các bộ phận, thành phần; các thời kì phát triển và một số nét đặc sắc truyền thống của văn học dân tộc.

**Câu 5: Đọc nhan đề của một bài báo, hãy đoán trước những nội dung sẽ được trình bày trong bài báo đó. Đọc toàn bộ bài báo và đối chiếu xem nội dung được viết ra với điều dự đoán của mình khác nhau ở điểm nào?**

Gợi ý: Học sinh tự làm